

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-PT
Ngày 27 - 12 - 2023
V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải
Bà Lê Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Lưu Thị Kim Chúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2023/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 107/2023/HNGĐ-ST, ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐ - PT ngày 13 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Lương Trường G, sinh năm 1993. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lương Trường G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Vào năm 2018, bà và ông Lương Trường G tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống, đến năm 2021 vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên hôn nhân rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do ông G không lo cho gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, lúc bà có bầu và sinh con ông G cũng không quan tâm chăm sóc. Vợ chồng đã cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Do đó, bà làm đơn yêu cầu ly hôn với ông G.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lương Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 09/7/2020. Cháu N hiện đang sống chung với bà, sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu N đến khi thành niên và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lương Trường G trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của bà T về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn. Còn về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do sau khi bà T về bên ngoại sinh con thì không chịu quay lên ở với ông, ông thừa nhận có đi nhậu nhưng vẫn lo làm ăn và lo cho vợ con. Hiện tại, ông còn thương vợ con nhưng bà T vẫn cương quyết ly hôn nên ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Lương Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 09/7/2020. Cháu N hiện đang sống chung với bà T, sau khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu N đến khi thành niên và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 107/2023/HNGĐ-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị T với ông Lương Trường G. Giấy chứng nhận kết hôn số 59, ngày 04/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp cho bà T, ông G không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 09/7/2020 cho bà Lê Thị T nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Lương Trường G chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, nghĩa vụ án phí và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, bị đơn ông Lương Trường G kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao cho ông được quyền nuôi con là cháu Lương Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 09/7/2020.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị T vắng mặt. Bị đơn ông Lương Trường G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm về tranh chấp quyền nuôi con. Các đương sự không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị đơn ông Lương Trường G kháng cáo tranh chấp quyền nuôi con nhưng ông không chứng minh được nguyên đơn không đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lương Thị Bảo N. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lương Trường G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn bà Lê Thị T khởi kiện bị đơn ông Lương Trường G xin ly hôn, tranh chấp nuôi con. Vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi

cư trú tại huyện C, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Lương Trường G có đơn kháng cáo đúng quy định tại các điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Lê Thị T được triệu tập hợp lệ nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt, có lời trình bày đầy đủ nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt.

[2] Về nội dung

Bị đơn ông Lương Trường G yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao cho ông được quyền nuôi con là cháu Lương Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 09/7/2020.

Xét thấy, trong thời kỳ hôn nhân, giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là cháu Lương Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 09/7/2020. Quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều tranh chấp quyền trực tiếp nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sinh ra cho đến nay cháu Bảo N được bà T và cha mẹ bà T nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chứng minh được có đủ thu nhập và đủ khả năng vừa đi làm, vừa trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, ông G cũng xác định cháu N vẫn phát triển bình thường, mạnh khỏe khi được bà T nuôi dưỡng. Từ khi mới sinh ra đến nay cháu Lương Thị Bảo N được sống chung với mẹ, nên xét về mặt tình cảm, gần gũi thì việc giao cháu cho bà T nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự phát triển tốt hơn về tâm, sinh lý cho cháu.

Bị đơn ông Lương Trường G kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giao cho ông được quyền trực tiếp nuôi con là cháu Lương Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 09/7/2020. Tuy nhiên, hiện nay bị đơn đang sinh sống và làm việc ở tỉnh Bình Dương, việc ông yêu cầu bà T giao cho ông đưa cháu N đến tỉnh Bình Dương để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là không có cơ sở. Bởi sự cần thiết cả bà T và ông G phải ổn định môi trường sống, để cháu phát triển bình thường về thể chất và tâm lý. Mặt khác, ông G cũng không có chứng cứ gì để chứng minh khi ông nuôi dưỡng cháu N sẽ tốt hơn bà T.

Theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, về quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con sau ly hôn:

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lương Trường G.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do giữa nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm áp dụng giải đáp một số vướng mắc trong xét xử số 02/TANDTC-PC ngày 02 tháng 8 năm 2021 để xác định án phí hôn nhân gia đình sơ, các bên chỉ phải chịu là 150.000đồng. Bà Lê Thị T tự nguyện chịu phần án phí nên khấu trừ 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp.

- Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bị đơn ông Lương Trường G phải chịu án, do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận.

[6] Các phần quyết định của Bản án sơ thẩm không bị Viện kiểm sát kháng nghị, không bị đương sự kháng cáo, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lương Trường G.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị T với ông Lương Trường G. Giấy chứng nhận kết hôn số 59, ngày 04/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp cho bà T, ông G không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 09/7/2020 cho bà Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Lương Trường G chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4. Về án phí:

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Thu c 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0012363 ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Bà T được nhận lại 150.000 đồng phần tiền tạm ứng còn dư.

- Về án phí phúc thẩm: Buộc bị đơn ông Lương Trường G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002245 ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. (Ngày 27/12/2023).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Châu Thành A;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Phụng